

**AASC**

BẢN SAO

A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK

**jhi**

GLOBAL PRESENCE - LOCAL EXCELLENCE

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
TRỤC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**

*Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
đã được kiểm toán*

15/03/2012

PHÍA NAM

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASC)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM  
E-mail: info@aasc.com.vn

Tel: (84.8) 38205944 - 38205947

Fax: (84.8) 38205942

Website: www.aasc.com.vn

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**

Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 38

TSUBUS  
CÔNG TY  
HIỂM HỮU H  
VỤ TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
VIỆT NAM  
P. HỒ C

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam là Công ty Nhà nước trực thuộc Bộ Giao thông vận tải. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam theo GNDKKD số 0300430099, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2011 nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM. Tiền thân trước đây của Công ty có tên gọi là Công ty Trục vớt thành lập ngày 30/6/1976, sau đổi tên thành Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ được thành lập theo Quyết định số 448/QĐ/TCCB -LD ngày 20 tháng 03 năm 1993 và Quyết định số 575/QĐ/TCCB-LĐ ngày 03 tháng 04 năm 1993 của Bộ Giao Thông Vận Tải, theo Quyết định số 721/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Giao Vận Tải, Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ đổi tên thành Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam có tên giao dịch đối ngoại là: Vietnam Salvage Single Member Limiter Liability Company) ( viết tắt là VISAL).

Trụ sở chính đặt tại số 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: 40.768.308.086 đ (Bốn mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ tám ngàn không trăm tám mươi sáu đồng)

**Ngành nghề kinh doanh:**

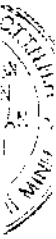
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300430099 ngày 08 tháng 03 năm 2011 của Phòng Đăng ký kinh doanh -Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Trục vớt Cứu hộ:

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện thiết bị giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
- Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước; Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam; đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, dầu mỡ, dầu nhờn);
- Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công của Công ty;
- Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải. Đào đắp đất đá. San lấp mặt bằng tạo bãi;
- Gia công, chế sửa, lắp ráp các loại kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn. Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh kho bãi container.
- Đóng mới phương tiện thủy và kinh doanh vật liệu xây dựng. Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước biển và đường dài. Cứu nạn và cứu hộ trên biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
- Kinh doanh thương mại các ngành hàng: Thiết bị lặn dưới nước, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng, sắt thép và
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê ( Cho thuê văn phòng, n
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày ( Kinh doanh khách sạn không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp, nhà nghỉ không hoạt đ

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam bao gồm Văn phòng Công ty và 5 thành viên hạch toán phụ thuộc như sau:

- Văn phòng Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam I



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam II
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam III
- Xí nghiệp Sửa Chữa Tàu Biển
- Xí nghiệp Cơ Khí Công Trình

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.103.179.950 VND. (Năm 2010 lợi nhuận sau thuế là 1.972.615.847 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 0 VND. (Năm 2009 lợi nhuận chưa phân phối là 0 VND).

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Khả	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Ngô Gia Khởi	Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

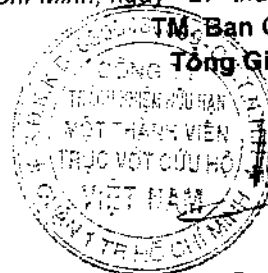
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

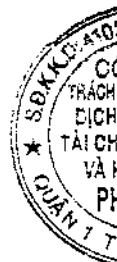
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012



**TM. Ban Giám Đốc**

**Tổng Giám Đốc** *Nguyễn Văn Khá*

**Nguyễn Văn Khá**



Số: 44/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2011 của Công ty TNHH Một thành viên Trục vót Cứu hộ Việt Nam

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Trục vót Cứu hộ Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Trục vót Cứu hộ Việt Nam được lập ngày 27 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 04 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán:**

Chúng tôi đã không có điều kiện để tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được chỉ định kiểm toán. Bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của số lượng tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm trên.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2011.

Tại thời điểm 31/12/2011 Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu theo qui định hiện hành.

Tại thời điểm cuối năm Công ty có hợp đồng thuê tàu của Công ty Dang Development investment LLC với thời gian thuê là 5 năm kể từ ngày hai bên ký biên bản giao nhận tàu tại Malaysia, tổng trị giá thuê tàu là 4.508.000 usd tương đương với 80.305.512.000 đ; Công ty đang ghi nhận chi phí thuê tàu này là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tương ứng với thời gian thuê, nhưng theo điều 10 hợp đồng thuê mua tàu ngày 05 tháng 08 năm 2009 của Công ty (Điều khoản mua tàu: Sau khi hết thời hạn thuê tàu hoặc trong thời hạn thuê tàu Công ty đã hoàn tất việc thanh toán tiền thuê với bên cho thuê thì tàu thuê sẽ thuộc về Công ty) thì điều khoản này là điều khoản của hoạt động thuê mua tài chính. Tuy nhiên với các tài liệu hiện có của đơn vị chúng tôi cũng không đủ cơ sở đưa ra ý kiến về việc ghi nhận tài sản này của đơn vị.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi ngoại trừ các ảnh hưởng (nếu có) nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 0479 /KTV

Kiểm toán viên

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>112.905.778.043</b>	<b>96.524.687.396</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		<b>19.245.990.298</b>	<b>6.600.284.834</b>
111	1. Tiền	03	19.245.990.298	6.600.284.834
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	04		
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>71.696.049.941</b>	<b>54.897.393.459</b>
131	1. Phải thu khách hàng	05	41.050.754.301	48.854.438.611
132	2. Trả trước cho người bán	06	7.998.741.967	6.042.454.703
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	07	26.363.415.147	3.681.714.546
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.716.861.474)	(3.681.214.401)
140	IV. Hàng tồn kho		<b>19.416.874.549</b>	<b>33.089.868.897</b>
141	1. Hàng tồn kho	08	19.416.874.549	33.089.868.897
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>2.546.863.255</b>	<b>1.937.140.205*</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		278.236.512	6.063.128
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		46.038.411	
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	09	2.222.589.332	1.931.077.078
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>43.061.940.712</b>	<b>41.426.891.978</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

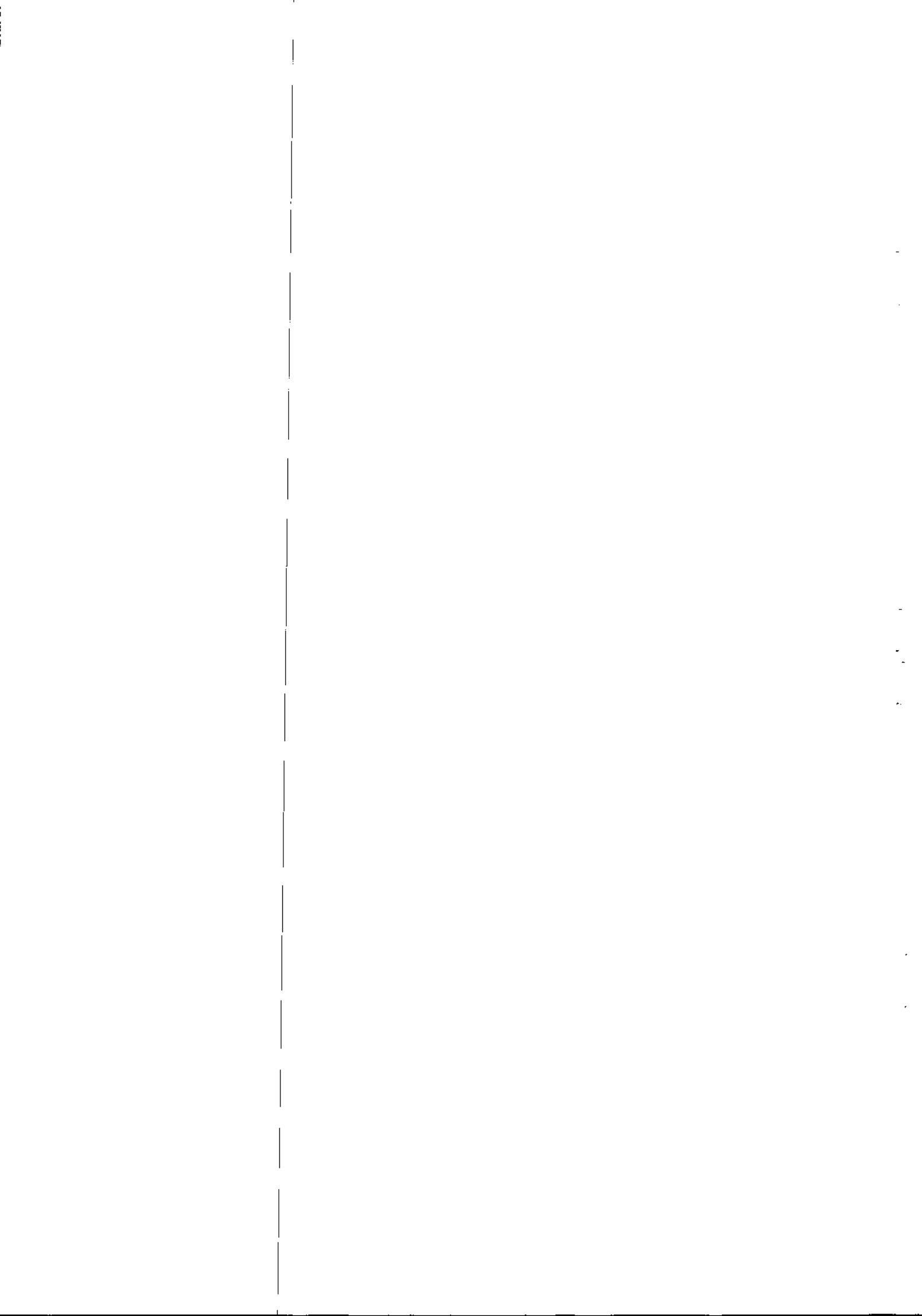


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>19.241.226.721</b>	<b>17.639.505.681</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	17.736.657.256	16.892.318.662
222	- Nguyên giá		72.148.606.239	65.517.616.115
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(54.411.948.983)	(48.625.297.453)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	163.659.901	163.659.901
228	- Nguyên giá		163.659.901	163.659.901
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.340.909.564	583.527.118
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.050.000.000</b>	<b>1.050.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác	13	1.050.000.000	1.050.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>22.770.713.991</b>	<b>22.737.386.297</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	22.764.713.991	22.731.386.297
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác	15	6.000.000	6.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>155.967.718.755</b>	<b>137.951.579.374</b>

32050e  
 CÔNG TY  
 CHỨC NHIỆM  
 H VỤ TỰ  
 CHÍNH KẾ  
 KIỂM T  
 PHÍA NI  
 TP. HỒ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>114.680.317.357</b>	<b>97.505.705.063</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>102.382.010.530</b>	<b>78.284.418.658</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	17.536.270.237	3.673.693.280
312	2. Phải trả người bán	17	12.855.159.646	9.167.051.811
313	3. Người mua trả tiền trước	18	15.304.168.630	10.285.482.656
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	2.434.877.556	1.865.942.697
315	5. Phải trả người lao động		10.400.589.163	20.470.981.969
316	6. Chi phí phải trả	20	4.397.903.665	16.444.626.203
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	21	34.435.560.434	11.580.020.706
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.017.481.199	4.796.619.336
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.298.306.827</b>	<b>19.221.286.405</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	22	11.425.648.000	18.461.656.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		872.658.827	759.630.405
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>41.287.401.398</b>	<b>40.445.874.314</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>41.287.401.398</b>	<b>40.445.874.314</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		29.136.100.817	28.487.799.089
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(40.575.581)	(23.482.945)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển			
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.142.337.598	1.932.019.603
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		10.049.538.564	10.049.538.564
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>155.967.718.755</b>	<b>137.951.579.374</b>




**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		4,927.02	424,97
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

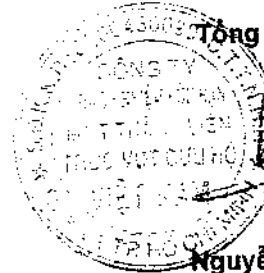
Người lập biểu

Kế toán trưởng



GIANG QUYÊN

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khá

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

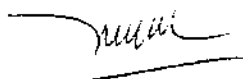
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	189.718.344.545	199.747.560.377
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		189.718.344.545	199.747.560.377
11	4. Giá vốn hàng bán	25	159.116.218.203	154.583.338.767
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.602.126.342	45.164.221.610
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	208.044.484	372.088.643
22	7. Chi phí tài chính	27	4.885.511.553	4.212.637.693
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.885.511.553	4.212.637.693
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25.137.243.676	38.522.209.174
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		787.415.597	2.801.463.386
31	11. Thu nhập khác		2.113.749.350	51.048.712
32	12. Chi phí khác		96.925.014	222.357.635
40	13. Lợi nhuận khác		2.016.824.336	(171.308.929)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.804.239.933	2.630.154.983
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	701.059.983	657.538.016
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.103.179.950	1.972.615.847

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng



GIANG QUYÊN

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khá

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2011

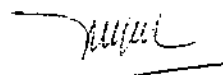
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		196.147.367.333	170.744.390.145
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(66.164.002.020)	(101.786.584.636)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(46.642.847.340)	(50.180.646.652)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.862.451.160)	(4.091.555.264)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(602.744.582)	(4.259.466.320)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		51.079.428.741	44.625.960.426
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(82.098.051.880)	(44.555.030.657)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>46.856.699.092</b>	<b>10.497.067.042</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(20.506.386.360)	(7.073.607.756)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		182.967.652	326.270.960
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(20.323.418.708)</b>	<b>(6.747.336.796)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10.363.006	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8.531.060.491	14.401.155.664
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(22.411.905.781)	(18.568.670.404)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(13.870.482.284)</b>	<b>(4.167.514.728)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>12.662.798.100</b>	<b>(417.784.474)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>6.600.284.834</b>	<b>7.041.552.253</b>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		(17.092.636)	(23.482.945)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>19.245.990.298</b>	<b>6.600.284.834</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

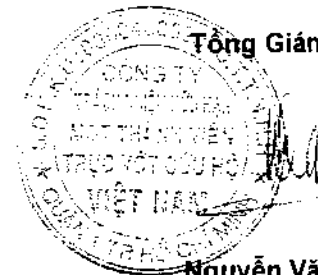
Người lập biểu

K/ Kế toán trưởng



TRƯƠNG VĂN KIẾN

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khá

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2011****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam là Công ty Nhà nước trực thuộc Bộ Giao thông vận tải. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam theo GNDKKD số 0300430099, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2011 nơi cấp Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM. Tiền thân trước đây của Công ty có tên gọi là Công ty Trục vớt thành lập ngày 30/6/1976, sau đổi tên thành Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ được thành lập theo Quyết định số 448/QĐ/TCCB -LĐ ngày 20 tháng 03 năm 1993 và Quyết định số 575/QĐ/TCCB-LĐ ngày 03 tháng 04 năm 1993 của Bộ Giao Thông Vận Tải, theo Quyết định số 721/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Giao Vận Tải, Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ đổi tên thành Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam có tên giao dịch đối ngoại là: Vietnam Salvage Single Member Limiter Liability Company. ( viết tắt là VISAL).

Trụ sở chính đặt tại số 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: 40.768.308.086 đ (Bốn mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ tám ngàn không trăm tám mươi sáu đồng)

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Trục vớt Cứu hộ:

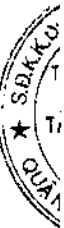
**Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện thiết bị giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
- Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước; Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam; đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, dầu mỡ, dầu nhờn);
- Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công của Công ty;
- Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải. Đào đắp đất đá. San lấp mặt bằng tạo bãi;
- Gia công, chế sửa, lắp ráp các loại kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn. Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh kho bãi container.
- Đô mới phương tiện thủy và kinh doanh vật liệu xây dựng. Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước biển và đường dài. Cứu nạn và cứu hộ trên biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
- Kinh doanh thương mại các ngành hàng: Thiết bị lặn dưới nước, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng, sắt thép
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê ( Cho thuê văn phòng
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày ( Kinh doanh khách sạn không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp, nhà nghỉ không ho

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****Chế độ kế toán áp dụng:**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá-giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                         |             |
|-------------------------|-------------|
| + Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| + Máy móc thiết bị      | 03 - 15 năm |

32001  
 CÔNG  
 NHẬN  
 VỤ  
 CHÍNH  
 KIỂM  
 PHÍA  
 TP. H



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

- |                                 |                     |
|---------------------------------|---------------------|
| + Phương tiện vận tải           | 06 - 10 năm         |
| + Thiết bị công cụ quản lý      | 03 - 10 năm         |
| + Quyền sử dụng đất vô thời hạn | Không tính khấu hao |

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2011**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2011*

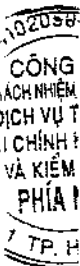
Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

**03. TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
Tiền mặt	<b>630.007.551</b>	<b>796.261.960</b>
Tiền gửi ngân hàng	<b>18.615.982.747</b>	<b>5.747.022.874</b>
Tiền gửi VND	18.513.377.771	5.738.963.710
- Ngân hàng BIDV	15.061.050.006	2.807.828.765
- Ngân hàng Công Thương	2.446.678.212	1.836.243.012
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	210.353.478	235.781.113
- Ngân hàng Á Châu	795.296.075	859.110.820
Tiền gửi ngoại tệ	USD 102.604.976	8.059.164
+ Ngân hàng Công thương	# 202,57 4.219.128	3.830.512
+ Ngân hàng Á Châu	# 4,722.4 98.358.147	4.189.841
+ Ngân hàng Hàng Hải	# 2,05 27.701	38.811
Tiền đang chuyển		<b>57.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>19.245.990.298</b>	<b>6.600.284.834</b>

**04. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
<b>Cộng</b>		

**05. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2011	01/01/2011
<b>Chi nhánh 1</b>	<b>130.590.000</b>	<b>130.590.000</b>
- Võ Thị Nãi	4.700.000	4.700.000
- Cảng Đồng Tháp	1.450.000	1.450.000
- Công ty CP Hàng Hải	124.440.000	124.440.000
<b>Chi nhánh 2</b>	<b>176.907.013</b>	<b>204.209.282</b>
- Công ty TM DV Hữu Nghị Thái Thụy		51.500.000
- Trương Thái Hùng		26.000.000
- Công ty CP XD KTN Bình Minh		86.709.282
- Ban quản lý dự án Thủy điện 4		
- Công ty CP Tấn Phát		40.000.000
<b>Chi nhánh 3</b>	<b>560.513.454</b>	<b>560.513.454</b>
- Phải thu công trường Cát Hải	395.700.000	395.700.000
- CT4 khảo sát tàu HP01	1.440.384	1.440.384
- Công ty Nạo vét đường thủy 1	25.147.570	25.147.570

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

- BDATEH	57.205.500	57.205.500
- XN báo hiệu đường sông	8.520.000	8.520.000
- Công ty than Đèo Nai	35.000.000	35.000.000
- Công ty Công trình 4	7.500.000	7.500.000
- Công ty XLTVTK - CT Hòa Bình	24.000.000	24.000.000
- Công ty TNHH Vĩnh Linh	6.000.000	6.000.000
<b>XN SCTB</b>	<b>11.590.637.422</b>	<b>4.182.827.862</b>
- Công ty CP DV Dầu Khí Toàn Cầu	679.826.123	
- CN Tổng Cty CPDV KT DK - CT Tàu Dầu Khí	572.617.448	567.151.245
- Công ty TNHH VTB Tài Chính	871.368.025	871.368.025
- Ban QL Cảng Bến Đầm	1.515.505.844	84.279.000
- Công ty CP VTB và đầu tư phát triển Hải Long	350.808.841	350.808.841
- Công ty CP Hàng hải Thuận Phong	97.817.940	
- Công ty TNHH MTV CK hàng hải Miền Nam	314.579.870	
- Trường CD Hàng Hải TPHCM		1.779.296.844
- Tàu Huấn Luyện 05		40.000
- Công ty TNHH XD TM DV Hoàng Sơn	4.473.420	4.473.420
- Công ty CP DV HH dầu khí Hưng Thái	321.186.039	
- Công ty TNHH TM&DV Đức Tuấn	544.040.471	
- Hàn Quốc - Sà Lan Yikang	564.838.623	
- XN Cơ khí Hàng hải 231		12.527.240
- Công ty CP Dầu khí Vũng Tàu	87.077.134	236.248.313
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch & VT Biển Phương Nam	478.246.560	87.605.607
- Công ty CP đóng mới & SC phương tiện nổi PTSC	5.148.101.084	
- Công ty TNHH MTV DV KS & CT ngầm PTSC	40.150.000	189.029.327
<b>XN CKCT</b>	<b>1.150.704.419</b>	<b>933.572.201</b>
- DNTN Vạn Đức Nguyên	566.943.170	566.943.170
- Công ty TNHH Đức Phát	280.934.500	
- Công ty CP Nạo vét XD & TM		312.838.244
- Cơ Sở Thống Nhất	3.835.187	2.790.787
- Lê Quốc Việt	51.000.000	51.000.000
- Công ty TNHH PP Khí đốt, Gas Tân Định	247.991.562	
<b>Văn Phòng</b>	<b>27.441.401.993</b>	<b>42.842.725.812</b>
- Đồ cổ Saga	7.606.572.437	7.606.572.437
- VSP (thuê tàu Mỹ Á)	354.908.053	1.555.290.658
- VSP (thuê tàu Đại Lãnh)		1.995.559.164
- Công ty giao nhận Nghi Phong	1.862.806.080	1.862.806.080
- Công ty TNHH Phú Hải	42.201.500	
- Tàu Thanh Cường	235.760.000	235.760.000
- Công ty CP Minh Phong	337.200.000	687.200.000
- Thu cho thuê mặt bằng Kysaco	12.000.000	12.000.000
- Công ty Chim ưng ( Falcon)	900.227.675	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

- Công ty TNHH XDDV Thảo Li	3.783.088.063	4.483.088.063
- Công ty Hải Dương		3.828.611.225
- Smit Singapore Pte Ltd thuê trực vớt Takuyo	9.682.945.563	17.952.145.563
- Công ty CP Hoàng Phát	17.000.000	17.000.000
- Khu quản lý Đường bộ 7	2.606.692.622	2.606.692.622
<b>Cộng</b>	<b>41.050.754.301</b>	<b>48.854.438.611</b>
<b>06. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN</b>		
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
<b>Chi nhánh 3</b>	<b>112.581.750</b>	<b>112.581.750</b>
- NM sc tàu Nam Triệu	30.000.000	30.000.000
- Mua 6 bộ bạc biên Đức và 4 bộ bạc trực tàu CH302	29.900.000	29.900.000
- HD 216	50.000.000	50.000.000
- Đỗ Quang Minh HDLD 63A	2.000.000	2.000.000
- Công ty TNHH An Tiến	681.750	681.750
<b>XN SCTB</b>	<b>359.375.000</b>	<b>267.750.000</b>
- Công ty CP Sơn Dầu Khí VN		43.000.000
- Công ty TNHH Hoàng Hưng H.T.D		28.000.000
- Ngô Hoàng Chính		10.000.000
- Tô Văn Ty	30.000.000	30.000.000
- CT CP SC Tàu biển & GK Biển Xanh	20.000.000	
- Nguyễn Văn Be		5.000.000
- Công ty TNHH Công nghệ sạch	309.375.000	123.750.000
- Công ty TNHH TM Tư vấn và DV KT Hoàng Nhơn		28.000.000
<b>XN CKCT</b>		<b>10.000.000</b>
- Công ty XLMT Trí Việt		5.500.000
- Công ty CP Tinh Lạc Việt		4.500.000
<b>Văn Phòng</b>	<b>7.526.785.217</b>	<b>5.652.122.953</b>
- Sản xuất thiếc	168.910.937	168.910.937
- Luật sư ( Ô Lạc)		5.000.000
- Nước sinh hoạt		3.310.255
- Công ty TNHH Phú Hải	329.448.050	329.448.050
- Công ty Phú An	1.481.646.140	1.481.646.140
- Công ty TNHH Hùng Khánh	1.011.021.610	1.011.021.610
- XNLH Ba Sơn	2.000.000.000	
- Luật sư Phụng	10.000.000	10.000.000
- Công ty Cp vận tải cung ứng xăng dầu đường biển	30.000.000	30.000.000
- Công ty Thành Vinh	2.189.000.000	2.189.000.000
- Công ty TV ĐTXDTH tỉnh BR - VT	40.000.000	40.000.000
- Công ty CP TVXD Công trình HH	38.700.000	38.700.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

- Công ty CP DV Hàng Hải	214.033.480	
- Công ty CP Tân Việt	14.025.000	
- Công ty Du lịch Trang Anh		14.850.000
- Công ty Phú Thái		330.235.961
<b>Cộng</b>	<b>7.998.741.967</b>	<b>6.042.454.703</b>
<b>07. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
- Phải thu khác		
<b>Chi nhánh 1</b>	<b>629.991.193</b>	<b>58.695.350</b>
- Trần Thanh Sơn	374.168	
- Lê Xuân Ninh	337.007	
- Nguyễn Văn Hải	124.160	
- Phạm Kha	89.674	
- Vũ Văn Năm	160.623	
- Nguyễn Văn Thành	71.647	
- Lại Mạnh Hợp	374.227	
- Cao Minh Hoàng	588.063	
- Lê Hồng Dũng	179.118	
- Võ Văn Bạ	2.052.724	
- Mai Văn Hàn	249.659	
- Nguyễn Thuyên	8.695.350	8.695.350
- XN Vận Tải Biển Đông	50.000.000	50.000.000
- Thuế TNCN 2008	2.771.233	
- Chi ốm đau thai sản	4.923.496	
- Xích neo có ngáng - VSG	517.120.000	
- 5% BHXH, 1% BHYT, BHTN	41.880.044	
<b>Chi nhánh 2</b>	<b>56.027.210</b>	
<b>Chi nhánh 3</b>	<b>29.500.000</b>	<b>68.628.292</b>
- Phải thu Cước Tàu Đông Xuyên		308.292
- Vay sửa chữa cầu PH45		37.000.000
- Tiền ăn Xí Nghiệp 1 báo		1.820.000
- Ông Mai Khanh	5.000.000	5.000.000
- KĐTH Thu Tiền Cọc	20.000.000	20.000.000
- KĐTH Vay Tiền Làm Hộ Chiếu Thuyền Viên	2.500.000	2.500.000
- XNSC Hồng Hà trả dư tiền mua dầu	2.000.000	2.000.000
<b>XB SCTB</b>	<b>68.876.249</b>	<b>162.072.596</b>
- Tàu An Phước	12.900.000	12.900.000
- Vũ Văn Huấn	3.750.000	
- Vũ Văn Nam	3.750.000	
TK 338 (No		
- BHXH, BHYT	10.972.790	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

- Thuế TNCN	29.913.833	148.999.181
- Tiền Điện thoại	389.626	173.415
- Trường Cao Đẳng nghề	7.200.000	
<b>XN CKCT</b>	<b>22.366.077</b>	<b>6.081.483</b>
- Cục thi hành án tỉnh Long An	17.916.000	
- Nguyễn Kim Thanh		912.500
- Trịnh Thị Luyến		912.500
- CNV nghỉ ốm	2.075.000	2.490.081
- Thuế TNCN CNV		1.766.402
- BHXH	2.375.077	
<b>Văn Phòng</b>	<b>25.556.654.418</b>	<b>3.386.236.825</b>
- Số dư TGNH (N. Trang)		334.005
- Nguyễn Trọng Tâm		56.483.900
- Bùi Đức Thắng		21.365.750
- Võ Hữu Thung		800.000
- Nộp án phí TA Q.BT (cty Mai Vân)		25.930.000
- Nộp án phí Tòa án Bình Thạnh	14.431.000	
- Nộp án phí vụ kiện Vinashin	59.000.000	59.000.000
- Công ty Trực Vớt (Từ Minh) (*)	16.235.381.482	
- Tiền nộp phạt		67.000.000
- Thuế GTGT được khấu trừ treo	181.080.191	101.295.614
- Hải Dương thuê tàu VSG (đã xuất HĐ)	3.519.726.052	
- Hải Dương thuê tàu VSG (chưa xuất HĐ)	2.035.463.637	
- Nguyễn trọng Tâm	56.483.900	
- Bùi đức Thắng	21.365.750	
- Võ hữu Thung	800.000	
- Phải thu khác	1.808.005	
- CD XNLH CDVP	90.000.000	240.000.000
- Đất Trường Thọ (khu 1 - Thủ Đức)	636.765.585	628.898.221
- Đất An Phú	32.450.000	32.450.000
- Trạm oto	44.312.491	44.312.491
- XN TM DV XD	2.091.373.722	2.091.373.722
- Nhà Trần Phú VT	320.000	320.000
- Thuế TNCN thu năm 2008		2.295.091
- Ông Bình, Tùng, Thái tt tiền chế đồ ỏm đau được BHXH duyệt		14.378.031
- Phải thu khác	535.892.603	
<b>Cộng</b>	<b>26.363.415.147</b>	<b>3.681.714.546</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

**08. HÀNG TỒN KHO**

- Hàng mua đang đi đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
- Thành phẩm

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	12.651.529.495	13.228.691.180
	780.794.099	777.950.810
	5.984.550.955	19.083.226.907
	<u><b>19.416.874.549</b></u>	<u><b>33.089.868.897</b></u>

**Cộng giá gốc hàng tồn kho**

**09. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

- Tài sản thiếu chờ xử lý
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Tạm ứng

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	703.605.882	703.605.882
	142.121.446	2.514.840
	1.376.862.004	1.224.956.356

**Chi nhánh 1**

- Võ Văn Tông
- Bùi Thanh Liêm
- Đỗ Đình Khánh
- Trần Việt Trung
- Nguyễn Quốc Hóa
- Võ Thanh Sơn
- Nguyễn Văn Lực
- Lạc Vệ Trọng Lái Xe

	<b>55.237.176</b>	<b>65.982.176</b>
	2.000.000	4.200.000
		4.536.684
		5.660.000
		33.245.491
		7.200.000
		7.000.000
		2.500.000
	2.130.005	1.640.000

**Chi nhánh 2**

- Đỗ Tuấn Phương
- Trần Kim Tiến
- Tạ Văn Minh

	<b>1.000.000</b>	<b>700.000</b>
		400.000
		(700.000)
	1.000.000	1.000.000

**Chi nhánh 3**

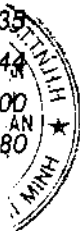
- Phạm Văn Bình
- Nguyễn Ngọc Long
- Nguyễn Văn Bình
- Đỗ Đức Khánh
- Phạm Minh Hoàng
- Phạm Văn Bang
- Lê Văn Quyền
- Hoàng Văn Cường
- Nguyễn Trọng Quang
- Nguyễn Hoàng Huy
- Chu Minh Tuấn
- Ông Tăng
- Ông Vinh Quang

	<b>502.597.156</b>	<b>509.428.301</b>
	236.784.863	239.184.863
	22.495.561	24.895.561
		2.031.145
	58.670.903	58.670.903
	13.658.725	13.658.725
	8.824.480	8.824.480
	64.340	64.340
	8.654.786	8.654.786
	49.216.470	49.216.470
	26.230.709	26.230.709
	34.838.688	34.838.688
	5.987.000	5.987.000
	12.730.000	12.730.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

- Ông Phùng	6.912.950	6.912.950
- Ông Đức	11.081.880	11.081.880
- Ông Tấn	2.775.000	2.775.000
- Ông Tâm	19.021.000	19.021.000
- Nguyễn Thị Sáng	224.808	224.808
- Đặng Phi Hùng	977.640	977.640
- Trừ nợ qua lương	(16.552.647)	(16.552.647)
<b>XN CKCT</b>	<b>300.100</b>	<b>6.605.778</b>
- Nguyễn Thu Bồn	300.100	
- Khúc Hoàng Hiếu		820.000
- Nguyễn Văn Thái		4.785.778
- Nguyễn Việt Cường		1.000.000
<b>XN SCTB</b>	<b>105.981.460</b>	<b>60.520.659</b>
- Ngô Văn Lý	6.768.660	20.000.000
- Huỳnh Công Tuấn	26.000.000	12.500.000
- Trần Văn Hưng	2.361.000	
- Phạm Hồng Nghĩa		3.500.000
- Phạm Văn Thành	14.308.800	16.000.000
- Cao Thế Kỳ	28.000.000	
- Chu Kiếm Chung	17.043.000	1.000.000
- Ông Thế Đường		2.350.035
- Đặng Anh Vũ		225.244
- Phạm Đình Tuệ		513.000
- Hoàng Ngọc Trung		4.432.380
- Hoàng Sỹ Khá	4.500.000	
- Bùi Đức Sơn	5.000.000	
- Lê Khải Hoàn	2.000.000	
<b>Văn Phòng</b>	<b>711.746.112</b>	<b>581.719.442</b>
- Tống Thanh	47.051.000	13.894.000
- Trần Văn Hải	1.049.000	
- Lâm Thiên Hùng	1.040.000	
- Trần Thanh Tùng	29.228.261	17.974.296
- Phạm Thị Trọng	678.000	605.000
- Phan Văn Danh		1.200.000
- Lê Lan Linh	217.853.645	70.932.000
- Nguyễn Ngọc An	23.477.000	25.632.000
- Huỳnh Thị Thu Nga	837.600	
- Huỳnh Thị Ngọc Hương	56.206.266	46.854.266
- Huỳnh Thanh Danh		1.000.000
- Đào Trọng Thịnh	5.942.000	1.170.000
- Trương Minh Duy	145.236.110	245.393.450
- Lê Anh Tuấn	42.990.000	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

- Nguyễn Phong Lưu		8.307.200
- Trần Xuân Tiến	60.800.000	69.400.000
- Lê Tế	5.000.000	5.000.000
- Nguyễn Văn Khả	23.701.678	23.701.678
- Trần Hồng Quảng	35.607.927	35.607.927
- Nguyễn Văn Thìn	9.325.103	9.325.103
- Lê Hà Bình	1.459.040	1.459.040
- Trương Văn Xê	2.532.490	2.532.490
- Lưu Hồng Điệp	1.730.992	1.730.992
<b>Cộng</b>	<b><u>2.222.589.332</u></b>	<b><u>1.931.077.078</u></b>

VIỆT  
\* SUM  
QUY

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**

Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

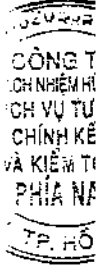
Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2011

**10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCD khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	11.586.855.692	16.260.986.530	35.639.993.078	656.548.503	1.373.232.312	65.517.616.115
Số tăng trong năm		6.657.726.024				6.657.726.024
- Mua trong năm		6.657.726.024				6.657.726.024
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tặng khác						
Số giảm trong năm		26.735.900				26.735.900
- Thanh lý, nhượng bán		26.735.900				26.735.900
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.586.855.692</b>	<b>22.891.976.654</b>	<b>35.639.993.078</b>	<b>656.548.503</b>	<b>1.373.232.312</b>	<b>72.148.606.239</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	9.329.587.253	14.286.472.020	23.122.359.199	513.646.669	1.373.232.312	48.625.297.453
Số tăng trong năm	382.109.326	1.494.039.440	3.877.544.692	59.693.972		5.813.387.430
- Khấu hao trong năm	382.109.326	1.494.039.440	3.877.544.692	59.693.972		5.813.387.430
- Tặng khác						
Số giảm trong năm		26.735.900				26.735.900
- Thanh lý, nhượng bán		26.735.900				26.735.900
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.711.696.579</b>	<b>15.753.776.560</b>	<b>26.999.903.891</b>	<b>573.340.641</b>	<b>1.373.232.312</b>	<b>54.411.948.983</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	2.257.268.439	1.974.514.510	12.517.633.879	142.901.834		16.892.318.662
Tại ngày cuối năm	1.875.159.113	7.138.201.094	8.640.089.187	83.207.862		17.736.657.256

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**  
 Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901
Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm					
Số tăng trong năm					
- Khấu hao trong năm					
- Tặng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm					
<b>Giá trị còn lại</b>	130.306.875			33.353.026	163.659.901
Tại ngày đầu năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901
Tại ngày cuối năm					

Đơn vị tính: VND



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2011	01/01/2011
- Xây dựng cơ bản dở dang:	548.605.668	339.843.850
+ Công trình nhà VP đại diện tại Vũng Tàu	548.605.668	339.843.850
- Sửa chữa lớn TSCĐ	792.303.896	243.683.268
+ Sửa chữa định kỳ tàu CH 305	90.196.585	243.683.268
+ Sửa chữa định kỳ tàu Visal B	218.582.604	
+ Sửa chữa định kỳ tàu Đại Lãnh	480.665.646	
+ Sửa chữa khác	2.859.061	
<b>Cộng</b>	<b>1.340.909.564</b>	<b>583.527.118</b>

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
+ Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Và Xây Dựng	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
- Đầu tư trái phiếu				
<b>Cộng</b>	<b>105.000</b>	<b>1.050.000.000</b>	<b>105.000</b>	<b>1.050.000.000</b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
<b>Chi nhánh 1</b>	<b>5.859.091</b>	<b>899.262.001</b>
- Vật tư, công cụ dụng cụ cho các tàu	5.859.091	899.262.001
<b>Chi nhánh 2</b>	<b>1.668.000</b>	<b>1.668.000</b>
- Máy in Canon	1.668.000	1.668.000
<b>XN SCTB</b>	<b>739.079.488</b>	<b>311.767.976</b>
<b>Văn Phòng</b>	<b>22.018.107.412</b>	<b>21.518.688.320</b>
- Chi phí thuê tàu Visal Saigon	22.006.850.594	21.479.142.820
- Chi phí công cụ dụng cụ	11.256.818	39.545.500
<b>Cộng</b>	<b>22.764.713.991</b>	<b>22.731.386.297</b>

**15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
- Kỳ quỹ dài hạn	6.000.000	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>6.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

- Vay ngắn hạn
- + Ngân hàng BIDV (\*)

**Cộng**

	31/12/2011	01/01/2011
	17.536.270.237	3.673.693.280
	<b>17.536.270.237</b>	<b>3.673.693.280</b>

**Ghi chú: (\*)**

Các hợp đồng phát sinh đối với Ngân hàng BIDV trong kì là các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể dựa trên Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số: 50/2009/2098457 ngày 13/10/2009 giữa Công ty Trực Vớt Cứu Hộ VN và Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Tp.HCM.  
 Số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay được quy định cụ thể trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Mục đích các khoản vay này là thanh toán tiền Dấu nhót và Chi lương.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**Chi nhánh 1**

**Chi nhánh 2**

- Phạm Văn Quang

**Chi nhánh 3**

- Nhà máy đóng tàu Tam Bạc
- Đoàn quản lý đường sông Hải Phòng
- Mua máy bơm nước cứu hỏa Mỹ
- XN sx và cung ứng vật tư
- Khảo sát bố trí nạo vét thi công
- HD tư vấn 2/98
- XN tập thể 559
- HTX Nông nghiệp Minh Đức
- XN báo hiệu đường sông
- Công ty lặn và XD Thăng Long
- HD cung ứng vật tư lắp đặt tời
- Cơ khí đóng tàu thủy sản
- Công ty Bê tông Hà Nội
- Viện hóa kĩ thuật
- HTX Việt Đạt
- Công ty TV TK CTXD Hải Phòng
- XN BDAT giao thông đường sông
- Công ty Đồng Tâm
- NM đóng tàu 76
- Ban quản lý dự án HH II
- XNXD số 9
- Công ty thi công cơ giới thủy
- XN 81
- Kê khai thuế chưa thanh toán
- Công ty lặn Đại Dương

	31/12/2011	01/01/2011
	<b>28.035.000</b>	<b>28.035.000</b>
	28.035.000	28.035.000
	<b>1.918.357.694</b>	<b>1.918.357.694</b>
	116.024.600	116.024.600
	22.219.000	22.219.000
	13.333.440	13.333.440
	38.083.000	38.083.000
	2.000.000	2.000.000
	6.500.000	6.500.000
	40.835.000	40.835.000
	7.110.000	7.110.000
	9.110.000	9.110.000
	94.093.000	94.093.000
	17.000.000	17.000.000
	65.020.000	65.020.000
	113.454.000	113.454.000
	52.095.000	52.095.000
	12.378.000	12.378.000
	1.014.020	1.014.020
	54.445.263	54.445.263
	216.080.000	216.080.000
	376.131.208	376.131.208
	210.764.572	210.764.572
	34.205.000	34.205.000
	381.840.000	381.840.000
	27.078.946	27.078.946
	543.645	543.645
	7.000.000	7.000.000

20110603  
 CÔNG TY  
 TNHH TRỰC  
 VỐT CỨU HỘ  
 VIỆT NAM  
 HÌNH KẾ  
 KIỂM TOÁN  
 HẢI PHÒNG  
 TP. HỒ

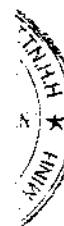


## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>XN SCTB</b>	<b>5.435.247.587</b>	<b>1.193.499.376</b>
- XN Hời kỹ nghệ Biên Hòa	30.480.000	38.961.000
- Công ty CP Que hàn điện Việt Đức	162.360.000	119.400.000
- Công ty CP sơn dầu Việt Nam	26.945.000	
- Công ty CP VT TB VN	7.800.000	15.596.000
- Công ty CP VT TB Vũng Tàu	11.400.000	
- Công ty CP KT TM & PT Trường Thịnh		30.150.000
- Công ty TNHH Hà Lộc	590.150.000	67.045.455
- Công ty TNHH Minh Quốc	4.495.000	4.510.000
- Công ty TNHH Nhật Thắng	15.080.917	13.031.809
- Công ty TNHH Hoàng Hưng H.T.D	72.727.300	
- Công ty TNHH Phát Thịnh	1.900.000	
- Công ty TNHH Vĩnh Nguyên	114.820.750	
- Công ty TNHH Trường Huy	541.833.992	
- Công ty TNHH TM thép Đại Toàn Thắng	165.097.283	
- Công ty TNHH TM Điện Hóa	18.040.000	
- Công ty TNHH TM DV Đức Thiện	69.121.051	21.561.167
- Công ty TNHH TM DV CK Hoàng Quân	479.734.200	49.500.000
- Công ty TNHH TM DV KT Đất Việt	12.104.000	
- Công ty TNHH MTV 189		3.819.000
- Công ty TNHH DV VT Biển Hải Vân		70.195.264
- Công ty TNHH ĐT TM XD Phước An	58.013.283	
- Công ty TNHH XD TM DV Hoàng Vũ	78.782.900	
- Công ty TNHH TM VLXD&TTNT Lan Phương	12.500.000	
- Công ty TNHH TM Nguyên Xương		32.019.900
- Công ty TNHH TM DV CN Nguyễn Hưng		27.238.813
- DNTN Gas Hoàng Long	35.568.183	25.654.546
- DNTN Hồng Long		270.465.032
- DNTN Tân Thịnh Phát	62.647.820	1.740.909
- DNTN Cơ khí Duy Linh	1.800.000	
- DNTN Công Minh	16.249.998	
- CH Tiến Thành	87.088.000	3.825.000
- CH Thành Công	707.398.000	22.650.125
- CH Quốc Huy	3.000.000	
- CH Anh Sơn - Lê Hoàng Vũ		8.100.000
- CH Ong thép Văn Thư	5.265.000	864.000
- CH đồ sắt Minh Thư	4.125.000	
- CH Vật tư Ngư lưới cụ đồ sắt	318.565.000	
- Lê Văn Tý	18.843.000	
- CH KDVT điện Quang Linh	13.190.000	
- CH điện gia dụng Thanh Phương	10.314.000	
- Xưởng cơ điện Minh Nguyễn	67.912.000	
- CH TTNT Thanh Hải	4.803.000	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

- CH VLXD & TTNT Kim Ngoan	140.773.000	
- CH VT Quang Thiện 1	710.000	
- CH phụ kiện ngành hơi nước xăng dầu	73.333.000	49.340.000
- Phụ tùng ô tô VTCK Tân Hoàng Nghĩa	65.476.000	5.963.000
- HKD Trương Thị Bích Thân	100.000	
- Hiệu buôn Ngư lưới cụ Hiệp Hồng	760.000	
- Hiệu buôn ngư lưới cụ Bửu Quyền	720.000	
- Kính xe hơi Tấn Chương	21.900.000	
- Garage Phúc Thuận	57.250.000	
- Dịch vụ sửa xe	300.000	
- Cơ sở đồ sắt Thanh Sơn	1.899.400	11.982.726
- CT TNHH TM DV XNK DL Thanh Sơn	6.774.545	
- Cơ sở Hằng Quyền	77.576.931	58.467.600
- Cơ sở DV Tàu thuyền	18.647.000	
- Cơ sở mua bán linh kiện & SC máy nổ Giang Hiền	330.010.000	
- Cơ sở may bạt, simili Anh Tuấn	11.245.000	
- Ngô Ngọc Trinh	13.450.000	
- Lâm Ngọc Liên	4.250.000	
- Châu Kiều Hương	7.000.000	
- Trần Thị Mỹ Lệ	2.522.500	
- Nguyễn Thị Hoà	137.490.000	
- Trần Minh Đức	1.455.000	
- Cảnh - Nguyễn Thị Dũng	40.590.000	
- CT TNHH TM Tư vấn & DV KT Hoàng Nhơn	50.202.000	
- CT CP DV XD & CK đường thủy Miền Nam	110.046.000	
- CT TNHH MTV TV TK CN Tàu thủy & DV HH	24.357.727	
- DNTN Duyên Anh	44.080.000	
- CT TNHH Neo Vàng	22.500.000	
- CT TNHH XD & TM Anh Định	38.400.000	
- CT TNHH Vạn Phát	57.024.000	
- Tiến điện & Điện lạnh	55.100.000	
- Điện lạnh Hoàng Hải	18.220.000	
- CN APAVE Việt Nam & Đông Nam Á tại TP HCM	38.329.924	
- CT TNHH DV Chế tạo Quốc Anh	39.914.519	
- Tiệm Photocopy Toàn Linh	180.000	
- CT TNHH TM DV VT Tiến Hoàng Anh	1.636.363	
- Tiếp khách	51.443.454	
- Cơ sở Vũ Thọ Hưng		96.096.000
- Nguyễn Thị Hiệp		10.670.000
- Đường Khiết Văn		7.200.000
- Đào Thị Huệ		29.560.000
- Độc hại	29.426.547	30.340.030
- Công ty TNHH Trường Vinh		67.552.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>XN CKCT</b>	<b>151.832.550</b>	<b>64.150.121</b>
- XN Sơn Hải Âu	82.369.100	24.205.500
- Công ty MT Tinh Lọc Việt		
- Công ty PP Khí đốt Gas Tân Định	5.614.000	
- Cơ sở Thống Nhất	63.849.450	39.944.621
<b>Văn Phòng</b>	<b>5.321.686.815</b>	<b>5.963.009.620</b>
- Trường Thịnh		265.793.000
- Công ty Jotun		4
- Nước sinh hoạt	22.295	
- Công ty TNHH Phanta	905.900.600	17.413.000
- Công ty TNHH Phú Hải	1.020.192.102	465.095.467
- Bảo hiểm Bảo Việt		103.040.000
- Công ty TNHH Trục Vớt (Từ Minh)	48.953.026	2.265.986.026
- Công ty Chim Ưng		602.194.200
- XNLH Ba Sơn	887.962.020	1.004.999.600
- Ngân hàng (chuyển Trang Vàng ISO sai tên)		4.000.000
- DNTN Tân Cường (s/c máy phát điện V2)		29.425.000
- Công ty Cơ khí hàng hải S R C	216.810.000	
- Nguyễn Thanh Liêm	786.500.000	
- Công ty CP Thương Cảng VT	142.871.785	77.572.700
- Công ty Đại Dương Xanh	1.244.394.987	1.127.490.623
- Công ty TNHH A Hò	12.890.000	
- Công ty Kỹ thuật điện, điện tử hàng hải	7.920.000	
- Cơ khí điện Minh Nguyễn	47.270.000	
<b>Cộng</b>	<b>12.855.159.646</b>	<b>9.167.051.811</b>
<b>18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>		
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
<b>Chi nhánh 2</b>	<b>25.000.000</b>	
- Công ty Lilama	25.000.000	
<b>Chi nhánh 3</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
- Công ty TNHH Hoàng Minh	3.000.000	3.000.000
<b>XN SCTB</b>	<b>502.151.896</b>	<b>6.140.651.896</b>
- Công ty TNHH Dòng sông Xanh	1.999.996	1.999.996
- Công ty TNHH Hải Dương		5.150.000.000
- Công ty TNHH VT Thủy Việt Thái	50.000.000	50.000.000
- Công ty TNHH Duy Trung	449.551.900	449.551.900
- Công ty TNHH Phanta	600.000	600.000
- DNTN An Hải		400.000.000
- DNTN Huỳnh Long		88.500.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

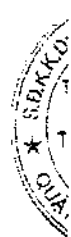
<b>XN CKCT</b>	<b>310.565.500</b>	<b>185.960.000</b>
- Công ty Mười Tỷ		100.000.000
- Lưu Vĩnh Phú	15.000.000	15.000.000
- Nguyễn Văn Y	10.000.000	10.000.000
- Nguyễn Văn Chấn	20.000.000	20.000.000
- DNTN Đức Phong	20.000.000	20.000.000
- Phạm Đức Hùng	10.000.000	10.000.000
- Công ty TNHH DVDL Mỹ Cảnh		10.000.000
- Công ty TNHH XD&KSCT Thanh Tuấn	221.405.500	
- Công ty TNHH Đạt Thanh Long	14.160.000	960.000
<b>Văn Phòng</b>	<b>14.463.451.234</b>	<b>3.955.870.760</b>
- Công ty Mai Vân		30.000.000
- DN Đại Thắng	10.500.000	10.500.000
- Công ty Việt Á	2.295.532.660	2.295.532.660
- Công ty Chim Ưng		850.000.000
- Công ty CP Việt Đạt (thuê SL 3000T)	1.750.000	1.750.000
- Công ty CP HH Thiên Nam	529.888.100	529.888.100
- DGDII-NHCH VN	126.000	
- Công ty CP vận tải biển QN		231.000.000
- Công ty Hải Dương (Thuê tàu VSG)	11.125.654.474	
- Vinashin (Tàu Green Vship)	500.000.000	
- Công ty Minh Thắng (neo đậu cảng Visal)		7.200.000
<b>Cộng</b>	<b>15.304.168.630</b>	<b>10.285.482.656</b>
<b>19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
- Thuế giá trị gia tăng	2.160.884.539	1.523.324.403
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	273.993.017	175.677.616
- Thuế thu nhập cá nhân		166.940.678
- Thuế tài nguyên		
<b>Cộng</b>	<b>2.434.877.556</b>	<b>1.865.942.697</b>
<b>20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.005.383.901	15.273.501.793
- Tàu xe đi phép	13.050.279	
- Chi phí đăng kiểm (SCTB)		19.620.909
- Chi phí sửa chữa nền ụ tàu 3000T (SCTB)		45.025.414
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh (bảo hành sp)	1.379.469.485	1.106.478.087
<b>Cộng</b>	<b>4.397.903.665</b>	<b>16.444.626.203</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	2.193.986	2.193.986
- Kinh phí công đoàn	619.901.343	559.371.037
- Bảo hiểm xã hội		25.890.504
- Bảo hiểm y tế		(544.142)
- Bảo hiểm thất nghiệp	318.740	2.260.520
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.813.146.365	10.990.848.801
<b>Chi nhánh 1</b>	<b>57.280.563</b>	<b>45.809.823</b>
- Tiền điện thương cảng		24.235.072
- Hồ Thành Sang	3.166.972	
- Ôm đau, thai sản		226.160
- Tiền cho thuê nhà nghỉ	34.440.000	1.675.000
- Khác (đền bù giải tỏa nhà nghỉ BD)	19.673.591	19.673.591
<b>Chi nhánh 2</b>		<b>22.056.224</b>
- Bảo hành CT Cầu Cần Thơ		22.056.224
<b>Chi nhánh 3</b>		<b>52.997.948</b>
- Thu tiền dầu nhớt Cát Hải đợt 1		3.996.000
- Phải thu tiền cho vay mua nhớt tàu CH302 chạy thử kéo ponton		1.900.000
- Vay trường CNKT Thăng Long		2.463.560
- Gia công bộ nước kín		1.862.000
- Tiền ăn Tháng 3,4,5 CH800		1.280.000
- Ông Cường nhận tiền Cty 319BQP thuê cầu nổi/P		5.496.388
- Trích 10% do thiếu hóa đơn HĐ 15/HĐKT BQP		36.000.000
<b>XN SCTB</b>	<b>363.925.821</b>	<b>2.051.861</b>
- Bảo hiểm trợ cấp ốm đau		2.051.861
- Tiền thuế 10%	363.925.821	
<b>XN CKCT</b>	<b>1.225.099</b>	<b>424.453</b>
- Lê Văn Quán	35.671	37.484
- Nguyễn Đức Hóa		386.969
- Thuế TNCN	1.189.428	
<b>Văn Phòng</b>	<b>33.390.714.882</b>	<b>10.867.508.492</b>
- Thuế TNCN đã trích	197.625.345	
- Thuế VAT đầu ra còn treo	236.972.057	
- Công ty Nowo		1.930.920.000
- Nhà TT Nha Trang	48.066.856	48.066.856
- XN nợ Nhà nước	7.606.572.437	7.606.572.437
- Phụ cấp ca lặn CT tàu Green Ship	60.820.050	60.820.050
- Thuế GTGT đầu ra treo	332.424.006	957.442.840
- Công ty Trục Vốt ( Từ Minh- chưa xuất hóa đơn)	18.412.010.173	
- Phục cấp ca lặn tàu Belinda	172.004.425	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

- Khảo sát, phân tích, cảnh giới Công trình tàu Belinda	941.000.000	
- Phải trả Nhà nước	3.971.104.811	
- CBCNV - Tiền trang phục	1.175.000.000	
- Thuế TNCN thu của Q4/10		71.010.509
- Ông Tiến mua xăng chưa thanh toán		3.850.000
- Nhập kho nhớt tàu VSG	237.114.722	188.825.800
<b>Cộng</b>	<b>34.435.560.434</b>	<b>11.580.020.706</b>

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
- Vay ngân hàng (***)	11.425.648.000	18.461.656.000
+ Ngân hàng BIDV	759.000.000	3.795.000.000
+ Ngân hàng Á Châu	10.666.648.000	14.666.656.000
- Vay đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b>11.425.648.000</b>	<b>18.461.656.000</b>

(\*\*\*) Chi tiết hợp đồng vay

	Ngân hàng BIDV	Ngân hàng Á Châu
Hợp đồng	Số 06/2008/2098457 ngày 19/2/2008	số BET.DN.0120809/KTG, số tham chiếu 64208279 ngày 20/8/2009
Mục đích vay	Đầu tư mua sà lan 3.000 tấn	Trả tiền thuê tàu AHTS công suất 7100HP
Lãi suất	Lãi tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kì + 3,72%/năm	Lãi tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kì + 4,19%/năm + điều chỉnh theo dự trữ bắt buộc của Ngân hàng Nhà nước
Thời hạn vay	48 tháng	60 tháng
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay	- Bất động sản: thửa đất số 1+51+52, tờ bản đồ số 2+3, Phường 10, Thành phố Vũng Tàu - Động sản: tàu Mỹ Á và tàu Visal 2

205000  
ÔNG T  
NHIỆM H  
H VỤ T  
HÌNH K  
KIỂM T  
PHÍA N  
TP. HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>27.432.627.750</b>		<b>14.980.852</b>		<b>10.049.538.564</b>	<b>1.732.194.233</b>		<b>1.553.947.539</b>
Tăng vốn trong kì trước	511.445.019							180.810.479
Lãi trong kì trước		543.726.320				1.972.615.847		
Tặng khác			(23.482.945)					197.261.585
Giảm vốn trong kì trước								
Trích quỹ từ lợi nhuận						1.972.615.847		
Giảm khác		14.980.852				1.732.194.233		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>28.487.799.089</b>			<b>(23.482.945)</b>	<b>10.049.538.564</b>			<b>1.932.019.603</b>
Tăng vốn trong kì này		1						
Lãi trong kì này				(17.092.636)		2.103.179.950		
Tặng khác	648.301.727							210.317.995
Giảm vốn trong kì này								
Trích quỹ từ lợi nhuận						2.103.179.950		
Giảm khác								
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>29.136.100.817</b>			<b>(40.575.581)</b>	<b>10.049.538.564</b>			<b>2.142.337.598</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

**24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán hàng		16.479.241.851
Doanh thu cung cấp dịch vụ	189.718.344.545	183.268.318.526
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng</b>	<b>189.718.344.545</b>	<b>199.747.560.377</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn của hàng hóa đã bán		
Giá vốn của thành phẩm đã bán		12.495.230.091
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	159.116.218.203	142.088.108.676
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>159.116.218.203</b>	<b>154.583.338.767</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	208.044.484	372.088.643
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>208.044.484</b>	<b>372.088.643</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
- Lãi tiền vay	4.885.511.553	4.212.637.693
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
<b>Cộng</b>	<b>4.885.511.553</b>	<b>4.212.637.693</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2011	Năm 2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	701.059.983	657.538.616
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>701.059.983</b>	<b>657.538.616</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.658.820.827	54.381.591.454
Chi phí nhân công	37.501.882.943	52.339.620.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.813.387.430	6.079.051.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.729.410.261	26.293.224.459
Chi phí khác bằng tiền	46.451.284.466	22.196.230.500
<b>Cộng</b>	<b>171.154.785.927</b>	<b>161.289.718.062</b>

**30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

KT Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*[Handwritten signature]*



GIANG QUYÊN

Nguyễn Văn Khá

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính.

Số chứng thực 5.02. Quyển số SCTP  
Ngày 24.11.2011

Chủ tịch UBND P.3 - Q. Phú Nhuận

*[Handwritten signature]*



Nguyễn Văn Vũ